

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIẤY IN NHIỆT ATHENA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIẤY IN NHIỆT ATHENA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ATHENA VIET NAM THERMAL PRINTING GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108760045

**3. Ngày thành lập:** 28/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1, ngõ 93, đường Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Khai thác và thu gom than cứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0510        |
| 2.  | Khai thác và thu gom than non                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0520        |
| 3.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0810        |
| 4.  | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0892        |
| 5.  | Sản xuất than cốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1910        |
| 6.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1610        |
| 7.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1622        |
| 8.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1623        |
| 9.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1701(Chính) |
| 10. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1702        |
| 11. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất giấy viết, giấy in;<br>- Sản xuất giấy in cho máy vi tính;<br>- Sản xuất giấy tự copy khác;<br>- Sản xuất giấy nền và giấy than;<br>- Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính;<br>- Sản xuất phong bì, bưu thiếp;<br>- Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dệt;<br>- Sản xuất giấy lọc và bìa giấy;<br>- Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy;<br>- Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải. | 1709        |

|     |                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế                                              | 1920 |
| 13. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                       | 2011 |
| 14. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                           | 2013 |
| 15. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít | 2022 |
| 16. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh         | 2023 |
| 17. | Sản xuất sợi nhân tạo                                                          | 2030 |
| 18. | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su                            | 2211 |
| 19. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                   | 2220 |
| 20. | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh                                    | 2310 |
| 21. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                     | 2391 |
| 22. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                          | 2392 |
| 23. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                             | 2394 |
| 24. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao              | 2395 |
| 25. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                  | 2396 |
| 26. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                       | 2410 |
| 27. | Đúc sắt, thép                                                                  | 2431 |
| 28. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                               | 2591 |
| 29. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                    | 2593 |
| 30. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                 | 2511 |
| 31. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                     | 2512 |
| 32. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                          | 2824 |
| 33. | Xây dựng nhà để ở                                                              | 4101 |
| 34. | Xây dựng công trình đường sắt                                                  | 4211 |
| 35. | Xây dựng công trình đường bộ                                                   | 4212 |
| 36. | Xây dựng công trình điện                                                       | 4221 |
| 37. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                            | 4222 |
| 38. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                          | 4293 |
| 39. | Phá dỡ                                                                         | 4311 |
| 40. | Chuẩn bị mặt bằng                                                              | 4312 |
| 41. | Lắp đặt hệ thống điện                                                          | 4321 |
| 42. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí          | 4322 |
| 43. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                 | 4330 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 44. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; | 4649 |
| 45. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Loại trừ: Buôn bán vàng, bạc và kim loại quý khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4662 |
| 46. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn sơn, vécni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663 |
| 47. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4753 |
| 48. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4759 |
| 49. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ sơn màu, vécni trong các cửa hàng chuyên doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4752 |
| 50. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4784 |
| 51. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7320 |
| 52. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410 |
| 53. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6201 |
| 54. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6202 |
| 55. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8230 |
| 56. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                        | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ TIẾN DŨNG | Xã Bản Bo, Thị Trấn Tam Đường, Huyện Tam Đường, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam                                     | Cổ phần phổ thông | 250.000    | 2.500.000.000         | 50,000    | 045029599                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                                             | Tổng số           | 250.000    | 2.500.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ TUẤN ANH  | P406, chung cư Mỹ Đình Plaza, 138 Trần Bình, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 125.000    | 1.250.000.000         | 25,000    | 013515161                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                                             | Tổng số           | 125.000    | 1.250.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
| 3   | LÊ VĂN TRIỂN | P706, Lô C- D5, , Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                           | Cổ phần phổ thông | 125.000    | 1.250.000.000         | 25,000    | 012380323                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                                             | Tổng số           | 125.000    | 1.250.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐỖ TIẾN DŨNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *31/01/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *045029599*

Ngày cấp: *06/06/2005*

Nơi cấp: *công an tỉnh Lai Châu*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xã Bản Bo, Thị trấn Tam Đường, Huyện Tam Đường, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *số nhà 17, ngõ 261, đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*